

Bản án số: 34/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 24/7/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Phan Quang Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Văn Tiệp

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thùy Trang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn - tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 4 năm 2010 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân được 13 năm. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh **T** có một con chung là **Nguyễn Đức D**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2011. Chị có nguyện vọng muốn nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh **Nguyễn Văn T**:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh **T** biết đồng thời tổng đạt các tài liệu, giấy triệu tập hợp lệ cho anh **T** nhưng anh **T** vẫn không có mặt để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các tài liệu, chứng cứ tại địa phương nơi anh **T** cư trú theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị N** là cho ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**; Việc nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung **Nguyễn Đức D**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2011 cho chị **N** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **T** do chị **N** không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị **Phan Thị N**.

- *Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị N** và anh **Nguyễn Văn T** có đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 4 năm 2010 tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân được 13 năm. Đối với anh **T** mặc dù Toà án đã nhiều lần triệu tập anh đến Toà án để hoà giải nhưng anh không có mặt, điều đó thể hiện anh **T** không có thiện chí hoà giải để vợ chồng về chung sống với nhau. Xét thấy tình cảm của cả hai bên đều không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị **Phan Thị N** là cho ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

2.2. Về nuôi con chung: Chị **Phan Thị N** và anh **Nguyễn Văn T** có con chung **Nguyễn Đức D**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2011. Nguyên vọng của chị **N** là được nuôi hai chung, không yêu cầu anh **T** phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị **N** là hoàn toàn phù hợp vì hiện tại chị **N** có thu nhập ổn định, từ thời điểm anh chị ly thân đến nay chị **N** là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, cháu **Nguyễn Đức D** có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh **T** lên Toà án làm việc nhưng anh **T** đều không có mặt. Để cuộc sống con chung được ổn định, không bị xáo trộn về mặt sinh hoạt, học tập và xem xét về các điều kiện chăm sóc con thì xét thấy giao con chung cho chị **N** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **N** không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **T**.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Phan Thị N** là cho chị **N** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

2. Việc nuôi con: Giao con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2011 cho chị Phan Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do chị N không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp đủ 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012299 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quang Sơn